

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/3/2021

“V/v kiện xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Văn

2. Bà Dương Thị Hồng Liên

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/3/2021 tại Hội trường Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 342/2021/TLST-HNGĐ ngày 23/12/2020 về việc kiện “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/02/2021 và Quyết định hoãn phiên toà số 16/2021/QĐST- HNGĐ ngày 12/3/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị L; sinh năm 1979.

Địa chỉ HKTT: Thôn T 4, xã N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Bị đơn: Anh Đào Hữu T; sinh năm 1979.

Địa chỉ HKTT: Thôn T 4, xã N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 15/12/2020, được bổ sung tại bản tự khai ngày 07/01/2021 cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị L và anh Đào Hữu T đăng ký kết hôn tại UBND xã N, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 50 quyển số: 01/2003 ngày 22/9/2003. Theo chị L trình bày anh chị kết hôn hoàn tự nguyện không ai ép buộc. Quá trình chung sống của vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo chị nguyên nhân chủ yếu là vợ chồng bất đồng quan điểm. Chị đã cố gắng và chịu đựng để níu kéo cuộc hôn nhân vì thương con và không muốn gia đình đổ vỡ. Nhưng cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, không có tiếng nói chung, anh T không quan tâm đến gia đình. Mặc dù trong gia đình chị đã làm tròn bổn phận một người vợ, người mẹ. Vì quá mệt mỏi và không thể chịu đựng được nên chị đã cùng các con rời xa anh và sống ly thân hơn 01 năm nay, chị một mình nuôi con và lo lắng cho con. Anh T chưa một lần trợ cấp tiền nuôi con vì chị biết anh không đủ khả năng nên chị cũng không đòi hỏi gì. Nay chị L nhận thấy cuộc sống gia đình của anh chị không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tình cảm vợ chồng xác định không còn, cuộc sống chung không có, nên nguyện vọng chị L xin được ly hôn với anh Đào Hữu T.

- Về quan hệ con chung:

Vợ chồng có 03 con chung đứa con thứ nhất tên là Đào Ngọc Ý N, sinh ngày: 07/12/2003; đứa con thứ hai tên là Đào Hữu Long N, sinh ngày: 30/12/2011 đứa con thứ ba tên là Đào Hữu Nhật L, sinh ngày: 30/12/2011 hiện các con đang sống cùng chị L. Sau khi ly hôn nguyện vọng của chị L xin được tiếp tục nuôi các con và không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị làm nghề may cũng có thu nhập ổn định đủ cho cuộc sống của mẹ con chị, còn anh T hiện không có nghề nghiệp, không có thu nhập nên chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Khi nào anh T có điều kiện thì chị sẽ yêu cầu sau. Các cháu Đào Ngọc Ý N, Đào Hữu Long N, Đào Hữu Nhật L có đơn trình bày nguyện vọng xin được ở với mẹ nếu ba mẹ ly hôn.

- Về quan hệ tài sản chung:

Chị L khai vợ chồng tự thỏa thuận và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra thông báo thụ lý vụ án và gửi cho anh Đào Hữu T kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án nhưng anh T không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện. Tòa án đã gửi giấy triệu tập hợp lệ cho anh T nhưng anh từ chối nhận giấy và có tình không hợp tác, do đó Tòa án tiến hành niêm yết giấy triệu tập và Thông báo về phiên hòa giải theo quy định nhưng anh T vẫn không đến Tòa án.

Qua xác minh tại xã N thì hiện nay anh T vẫn đang sinh sống tại nhà riêng và có mặt tại địa phương là thôn T4, xã N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Tòa án đã có mặt tại nhà riêng của anh Đào Hữu T để tiến hành giao các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng anh T từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Việc Tòa án giải quyết đơn xin ly hôn theo yêu cầu của chị L nhưng anh T không hợp tác. Do đó bị đơn không đến tham gia phiên hòa giải theo giấy triệu tập nên vụ án thuộc trường hợp không thể tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, HTND đã được thực hiện theo đúng quy định của BLTTDS. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Căn cứ vào quá trình giải quyết vụ án, tranh tụng tại phiên tòa, đại diện VKS đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Đào Hữu T. Chị L được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con chung tên là: Đào Ngọc Ý N, sinh ngày: 07/12/2003; Đào Hữu Long N, sinh ngày: 30/12/2011; Đào Hữu Nhật L, sinh ngày: 30/12/2011, anh T chưa phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Lê Thị L có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết việc ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự; là nơi bị đơn anh Đào Hữu T có địa chỉ cư trú: Thôn T4, xã N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ vào điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra thông báo thụ lý vụ án và gửi cho anh T kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án nhưng anh T từ chối không nhận. Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo về phiên hòa giải và phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ tại nơi cư trú của bị đơn đồng thời tiến hành xác minh tại Tổ dân phố nơi anh T đang cư trú. Nhận thấy, việc hòa giải vụ án không thể tiến hành được. Vì vậy Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định xét xử số: 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23/02/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới nhưng bị đơn anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất. Do đó, Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12/3/2021 và ấn định thời gian xét xử vào ngày 29/3/2021 theo đúng quy định tại Điều 227, 233 BLTTDS. Nhưng bị đơn anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS, phiên tòa vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Đào Hữu T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị L và anh Đào Hữu T đã xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp, đáng lẽ ra anh, chị phải biết thương yêu, quý trọng chăm sóc lẫn nhau, nhằm xây dựng một gia đình hạnh phúc. Nhưng anh chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững mà lại để xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân hai bên thiếu thông cảm chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống mà vợ chồng gặp phải, không biết cùng nhau gánh vác chuyện gia đình, không tìm được tiếng nói chung sau đó để mặc cuộc sống gia đình, sống ly thân, ai lo việc nấy không quan tâm gì đến nhau. Mặc dù chị thương con nên cố gắng chịu đựng, nhưng áp lực gia đình quá lớn, Anh chị đã ly thân hơn 01 năm nay, nên cũng không mong muốn hàn gắn cuộc hôn nhân cũng như tìm cách khắc phục mâu thuẫn. Chị L xác định vợ chồng tình cảm không còn nên chị làm đơn xin ly hôn. Về phía anh T biết rõ chị L làm đơn xin ly hôn nhưng cũng không có ý kiến gì muốn níu kéo hôn nhân mà thờ ơ để mặc và cũng không mong muốn được Tòa án hòa giải. Điều đó thể hiện rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục, tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc nên cần thiết phải cho chị L được ly hôn anh T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Vợ chồng anh chị có 03 con chung Đào Ngọc Ý N, sinh ngày: 07/12/2003; Đào Hữu Long N, sinh ngày: 30/12/2011; Đào Hữu Nhật L, sinh ngày: 30/12/2011. Xét điều kiện của anh chị hiện nay đã sống ly thân, các cháu đang ở cùng chị L, các cháu đã trên 7 tuổi có đơn xin trình bày nguyện vọng được ở cùng với mẹ, hơn nữa anh T cũng không đến Tòa án để trình bày nguyện vọng của mình. Chị L cũng có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi 03 con chị khẳng định hiện nay thu nhập tiền làm nghề may có đủ điều kiện để nuôi con. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của chị L là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình cũng là phù hợp với nguyện vọng của các con chị, cần được chấp nhận. Hiện tại anh T không có công việc và thu nhập ổn định, chị L có đủ khả năng để nuôi con và không yêu cầu anh T đóng góp tiền nuôi con nên không buộc anh T cấp dưỡng, sau này anh T có điều kiện thì chị L sẽ yêu cầu bằng vụ kiện khác.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Chị L khai vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu phân chia tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 271, 273 khoản 2 Điều 227, 228 BLTTDS;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Tuyên xử: Cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Đào Hữu T.

2. Về con chung:

Xử: Giao 03 con chung Đào Ngọc Ý N, sinh ngày: 07/12/2003; Đào Hữu Long N, sinh ngày: 30/12/2011; Đào Hữu Nhật L, sinh ngày: 30/12/2011; cho chị Lê Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Tuyên xử: Buộc chị Lê Thị L phải chịu nộp số tiền 300.000 đồng án phí ly hôn. Số tiền chị L phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Đồng Hới theo Biên lai số AA/2020/0001811 ngày 23 tháng 12 năm 2020.

4. Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ:

Anh Đào Hữu T không phải chịu.

Án xử công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS Đồng Hới;
- VKSND thành phố Đồng Hới
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Lệ

